

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HSST

Ngày: 25/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Triệu Phúc Vượng**. Nghề nghiệp: Công chức.

Nơi công tác: UBND xã H, huyện T, tỉnh L

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**. Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Phòng giáo dục và đào tạo huyện T, tỉnh L.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Phụng- Thư ký
Toà án nhân dân huyện T, tỉnh L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Đinh
Nhu Quỳnh* - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu 21, thị trấn T, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: **24/2017/HSST** ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Đức H- sinh ngày 12 tháng 5 năm 2000.

Đến ngày phạm tội bị cáo được 16 tuổi 11 tháng 15 ngày.

Nguyên quán: xã Th - huyện N - tỉnh H.

Nơi ĐKKHKT: Khu 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Trần Văn M- sinh năm 1968; Con bà: Dương Thị L- sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04 tháng 5 năm 2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện và bào chữa cho bị cáo:

Bà Dương Thị L- sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

Các bị hại: Anh Đào Giang N- sinh năm 1984.

Chị Lê Thị Hằng N- sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Khu 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Cùng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/4/2017, trên đường đi chơi điện tử về nhà mình tại khu 21 thị trấn T huyện T thì Trần Đức H thấy gia đình chị Lê Thị Hằng N, anh Đào Giang N đã tắt điện đi ngủ nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó H đi về nhà cất xe đạp điện và điện thoại di động rồi đi bộ khoảng 60m thì đến nhà chị N. Đến nhà chị N, H trèo theo ô thoáng phía trên cửa kéo để vào bên trong. Sau khi vào được bên trong nhà chị N, H nhìn thấy có một chiếc ô tô dựng ở sân phát hiện cửa ô tô không khóa nên tiến lại tìm tài sản để trộm cắp nhưng trên xe không có gì mà chỉ có một chùm chìa khóa để trong hộp cạnh cần số của xe ô tô nên H đã lấy chiếc chìa khóa 04 cạnh ra rồi xuống xe. Tiếp theo, H đẩy cửa chính của ngôi nhà (cửa làm bằng kính cường lực không khóa) và đi vào nhà. Khi vào trong nhà, H quan sát thấy trong nhà có ánh sáng điện tử bể cá và đèn ngủ nên H thấy cửa phòng ngủ của vợ chồng chị N không đóng, vợ chồng chị N đã ngủ, H quan sát thấy có một chiếc ví giả da màu đen của anh Đào Giang N để trên nóc tủ nhựa nên đã cầm lên thì phát hiện bên trong có nhiều tiền nên H rút hết tiền trong ví (H không đếm xem tiền) cất vào túi quần rồi để chiếc ví lại chỗ cũ. Sau đó, H tiếp tục phát hiện thấy có một chiếc túi xách có dây đeo của chị N để trên nóc kết sắt nên mở khóa và lấy được 400.000 đồng, lấy tiền xong H cất vào túi quần và đi vào nhà tắm để quan sát tiếp. Tiếp đó, H cầm chiếc chìa khóa lấy ở xe ô tô cắm vào ổ khóa cửa kết sắt nhưng không mở được do chìa khóa kẹt trong ổ khóa nên H bỏ ra ngoài phòng khách. H quan sát thấy có một chùm chìa khóa để trong mũ bảo hiểm đặt trên tượng gỗ nên đã cầm chùm chìa khóa đó ra mở cổng. H cầm chùm chìa khóa đó thử mở các chìa thì có một chìa mở được khóa cổng.

Sau khi mở khóa cổng, H để ổ khóa và chùm chìa khóa lên nóc tủ giày dép ở ngoài sân, ra ngoài rồi khép cổng lại như cũ và đi về nhà ngủ.

Đến sáng ngày 28/4/2017, Trần Đức H dậy đếm số tiền trộm cắp được tại gia đình chị N được 4.400.000 đồng.

Ngay sau đó, H bị CQCSĐT Công an huyện T triệu tập lên làm việc nên đã trốn lên thành phố L và tiêu hết số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 02/5/2017, H về nhà đưa cho mẹ là Dương Thị L sinh năm 1971 số tiền 2.400.000 đồng và đến Công an huyện T để đầu thú.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Ngày 20/5/2017 đại diện gia đình Trần Đức H là bà Dương Thị L đã bồi thường cho gia đình chị Lê Thị Hằng N số tiền 2.000.000đ.

Đến ngày 19/6/2017 Công an huyện T đã ra quyết định trả lại tài sản cho chị Lê Thị Hằng N số tiền 2.400.000đ là số tiền mà bà Dương Thị L đã giao nộp cho Công an. Gia đình chị N đã nhận lại đủ số tiền bị mất và không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện và bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Bị cáo Trần Đức H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh L truy tố tại bản cáo trạng số 17/KSĐT-SH, ngày 05/7/2017 cụ thể:

Truy tố Trần Đức H về tội: “Trộm cắp tài sản”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 69; 71; 73 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo và bị cáo nhất trí với tội danh và đề nghị của Kiểm sát viên.

Gia đình bị hại đã được bồi thường đủ tài sản bị mất. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Trần Đức H đã có hành vi trộm cắp số tiền 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của gia đình anh Đào Giang N và chị Lê Thị Hằng N. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Như vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Thể hiện việc bị cáo đã đưa số tiền còn lại cho mẹ bị cáo và đến Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo phạm tội lần đầu khi chưa đủ 18 tuổi và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu. Gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để bị cáo sửa chữa, tu dưỡng mình thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Nên cần áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 31; Điều 68; 69; 71; 73 BLHS năm 1999.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người chưa thành niên còn phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Chấp nhận biên bản trả tài sản của Công an huyện T ngày 19 tháng 6 năm 2017 cho bị hại chị Lê Thị Hằng N.

Bị cáo không bị khấu trừ thu nhập theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Đức H** phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

a) Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 31; Điều 68, 69, 71, 73 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Đức H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh L được giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

b) Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

c) Quyền kháng cáo:

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bào chữa, vắng mặt những người bị hại. Báo cho bị cáo, người bào chữa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; (01)
- Sở tư pháp; (01)
- VKS huyện; (02)
- Công an; (02)
- THA dân sự; THAHS; (02)
- UBND thị trấn T,
Huyện T, tỉnh L; (01)
- Bị cáo; Các bị hại; (03)
- Người bào chữa; (01)
- Lưu hồ sơ – TA. (01)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Bình